

Ngày kiểm tra:

Tiết 24: KIỂM TRA GIỮA KÌ II

6A:.....

6B:.....

6C:.....

6D:.....

I. MỤC TIÊU:

1. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự làm bài kiểm tra giữa học kì II.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS giải quyết được các bài tập trong bài kiểm tra giữa học kì II.

* Năng lực riêng:

- Tạo được SĐTD đơn giản bằng phần mềm.
- Trình bày được tác dụng của công cụ định dạng đoạn văn bản, định dạng trang văn bản và in.
- Trình bày cụ thể các bước định dạng đoạn văn bản, định dạng trang văn bản và in

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động làm bài kiểm tra giữa học kì II
- Trách nhiệm: thực hiện và hoàn thành bài kiểm tra giữa học kì II
- Trung thực: không gian lận trong quá trình làm bài kiểm tra giữa học kì II

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Đề kiểm tra kết hợp TNKQ và tự luận. (30% TNKQ – 70% TL).
- Kiểm tra trên lớp.

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA:

| Chủ đề | Cấp độ | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | | | Tổng |
|-----------------------------|--|----------------|--|----------------|---|----|----------------|----|------------|----|-------------|
| | | | | | | | Cấp độ thấp | | Cấp độ cao | | |
| | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | |
| 1. Sơ đồ tư duy | HS trình bày được khái niệm và tác dụng của sơ đồ tư duy Hs biết được các thành phần của sơ đồ tư duy | | HS hiểu được ưu, nhược điểm của sơ đồ tư duy HS hiểu được chủ đề chính, chủ đề nhánh trong sơ đồ tư duy | | | | | | | | |
| Số câu | 3 (C1,2,5) | 1 (C13) | 2 (C3, 4) | 1 (C14) | | | | | | | 7 |
| Số điểm | 0,75 | 1,5 | 0,5 | 3 | | | | | | | 5,75 |
| Tỉ lệ (%) | 7,5 | 15 | 5 | 30 | | | | | | | 57,5 |
| 2. Định dạng văn bản | HS biết được các thao tác cơ bản khi định dạng văn bản | | HS hiểu được các lệnh định dạng một đoạn văn bản, một trang văn bản | | HS sử dụng được những lệnh để căn chỉnh lề của các đoạn văn bản | | | | | | |
| Số câu | 2 (C6,7) | | 2 (C8,9) | | | | 1 (C15) | | | | 5 |
| Số điểm | 0,5 | | 0,5 | | | | 1,5 | | | | 2,5 |
| Tỉ lệ (%) | 5 | | 5 | | | | 15 | | | | 25 |

| | | | | | | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|--|--|--|---------------|--|
| 3. Trình bày thông tin ở dạng bảng | HS biết được khái niệm trình bày thông tin ở dạng bảng | | Hs hiểu được các lệnh trong điều chỉnh hàng, cột trong trình bày thông tin ở dạng bảng | | | | Hs sử dụng được các lệnh trong trình bày thông tin ở dạng bảng | | | |
| Số câu | 1(C10) | | 2(C11,12) | | | | | | 1(C16) | |
| Số điểm | 0,25 | | 0,5 | | | | | | 1 | |
| Tỉ lệ (%) | 2,5 | | 5 | | | | | | 10 | |
| Tổng số câu | 7 | | 7 | | | | 1 | | 1 | |
| Tổng số điểm | 3 | | 4,5 | | | | 1,5 | | 1 | |
| Tỉ lệ (%) | 30 | | 45 | | | | 25 | | 100 | |

IV. ĐỀ BÀI:

A. Trắc nghiệm khách quan: (3 điểm)

* Điền vào trong bảng đáp án đúng là một trong các chữ cái A, B, C, D tương ứng với các câu hỏi từ câu 1 đến hết câu 12 (mỗi câu đúng 0,25 điểm)

| | | | | | | | | | | | | |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | | | | | | | | | | | | |

Câu 1: Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:

- A. tiêu đề, đoạn văn. C. mở bài, thân bài, kết luận.
B. chủ đề chính, chủ đề nhánh. D. chương, bài, mục.

Câu 2: Sơ đồ tư duy gồm các thành phần:

- A. Bút, giấy, mực.
 B. Phần mềm máy tính.
C. Từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, đường nối, màu sắc, ...
 D. Con người, đồ vật, khung cảnh, ...

Câu 3: Nhược điểm của việc tạo sơ đồ tư duy theo cách thủ công là gì?

- A. Khó sắp xếp, bố trí nội dung.
 B. Hạn chế khả năng sáng tạo.
 C. Không linh hoạt để có thể làm ở bất cứ đâu, đòi hỏi công cụ khó tìm kiếm.
D. Không dễ dàng trong việc mở rộng, sửa chữa và chia sẻ cho nhiều người.

Câu 4: Phát biểu nào không phải là ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính?

- A. Có thể sắp xếp, bố trí với không gian mở rộng, dễ dàng sửa chữa, thêm bớt nội dung.
 B. Có thể chia sẻ được cho nhiều người.
C. Có thể làm ở bất cứ đâu, không cần công cụ hỗ trợ.
 D. Có thể kết hợp và chia sẻ để sử dụng cho các phần mềm máy tính khác.

Câu 5: Phát biểu nào sai về việc tạo được sơ đồ tư duy tốt?

- A. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng nên tô màu đậm hơn và kích thước dày hơn.
 B. Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường thẳng.
 C. Nên bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.
D. Không nên sử dụng màu sắc trong sơ đồ tư duy vì màu sắc làm người xem mất tập trung vào vấn đề chính.

Câu 6: Các phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu ngắt đoạn được gọi là:

- A. Dòng. B. Trang. C. Đoạn. D. Câu.

Câu 7: Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

- A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng. C. Căn giữa đoạn văn bản.
B. Chọn chữ màu xanh. D. Thêm hình ảnh vào văn bản.

Câu 8: Việc phải làm đầu tiên khi muốn thiết lập định dạng cho một đoạn văn bản là:

- A. Vào thẻ Home, chọn nhóm lệnh Paragraph.
B. Cần phải chọn toàn bộ đoạn văn bản.
C. Đưa con trỏ soạn thảo vào vị trí bất kì trong đoạn văn bản.
D. Nhấn phím Enter.

Câu 9: Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word 2010, lệnh Portrait dùng để

- A. chọn hướng trang đứng. C. chọn lề trang.
B. chọn hướng trang ngang. D. chọn lề đoạn văn bản.

Câu 10: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai?

- A. Bảng giúp trình bày thông tin một cách cô đọng.
B. Bảng giúp tìm kiếm, so sánh và tổng hợp thông tin một cách dễ dàng hơn.
C. Bảng chỉ có thể biểu diễn dữ liệu là những con số.
D. Bảng có thể được dùng để ghi lại dữ liệu của công việc thống kê, điều tra, khảo sát,...

Câu 11: Sử dụng lệnh Insert/Table rồi dùng chuột kéo thả để chọn số cột và số hàng thì số cột, số hàng tối đa có thể tạo được là:

- A. 10 cột, 10 hàng. c. 8 cột, 8 hàng.
B. 10 cột, 8 hàng. D. 8 cột, 10 hàng.

Câu 12: Để chèn một bảng có 30 hàng và 10 cột, em sử dụng thao tác nào?

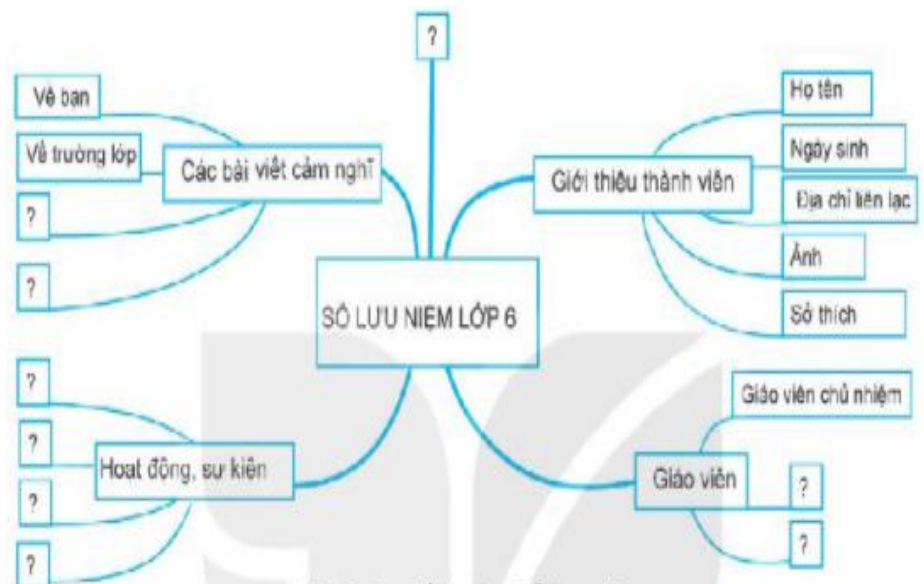
- A. Chọn lệnh Insert/Table, kéo thả chuột chọn 30 hàng, 10 cột.
B. Chọn lệnh Insert/Table/Table Tools, nhập 30 hàng, 10 cột.
C. Chọn lệnh Insert/Table/Insert Table, nhập 30 hàng, 10 cột.
D. Chọn lệnh Table Tools/Layout, nhập 30 hàng, 10 cột.

B. Tự luận: (7 điểm)

Câu 13: (1,5 điểm) Sơ đồ tư duy là gì? Nêu tác dụng của sơ đồ tư duy?

Câu 14: (3 điểm) Quan sát Hình 9 và cho biết:

- a) Tên của chủ đề chính.
b) Tên các chủ đề nhánh.
c) Có thể bổ sung thêm chủ đề nhánh nào nữa không?



Hình 9. Sơ đồ tư duy Sổ lưu niệm

Câu 15: (1,5 điểm) Bạn Minh đã soạn thảo một câu ca dao và định dạng văn bản như Hình 11. Theo em, bạn Minh đã sử dụng những lệnh nào để căn chỉnh lề của các đoạn văn bản? Giải thích?



Hình 11

Câu 16: (1 điểm) Ghép mỗi lệnh ở cột bên trái với ý nghĩa của chúng ở cột bên phải cho phù hợp.

| | |
|-----------------|---|
| 1) Insert Left | a) Chèn thêm hàng vào phía trên hàng đã chọn. |
| 2) Insert Right | b) Chèn thêm hàng vào phía dưới hàng đã chọn. |
| 3) Insert Above | c) Chèn thêm cột vào phía bên trái cột đã chọn. |
| 4) Insert Below | d) Chèn thêm cột vào phía bên phải cột đã chọn. |

V. ĐÁP ÁN + BIỂU ĐIỂM

A. Trắc nghiệm khách quan: (3 điểm)

* Điền vào trong bảng đáp án đúng là một trong các chữ cái A, B, C, D tương ứng với các câu hỏi từ câu 1 đến hết câu 12 (mỗi câu đúng 0,25 điểm)

| | | | | | | | | | | | | |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | B | C | D | C | D | C | D | C | A | C | B | C |

B. Tự luận: (7 điểm)

| Câu | Đáp án | Điểm |
|----------------|--|-------------|
| Câu 13: | - Sơ đồ tư duy là phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường nối. | 0,75 |
| | - Sơ đồ tư duy tận dụng tối đa khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não, giúp chúng ta dễ dàng ghi nhớ chi tiết, tổng hợp hay phân tích vấn đề. | 0,75 |
| Câu 14: | a) Tên chủ đề chính: sổ lưu niệm lớp 6. | 0,5 |
| | b) Tên các chủ đề nhánh: Các bài viết cảm nghĩ; Giới thiệu thành viên; Giáo viên; Hoạt động, sự kiện. | 1,5 |
| | c) Có thể bổ sung thêm nội dung: Những hình ảnh đáng nhớ. | 1 |

| | | |
|----------------|--|-------------|
| Câu 15: | - Tiêu đề: Căn lề giữa. | 0,5 |
| | - Khỏ thơ: Căn thẳng lề trái và tăng mức thụt lề, đặt khổ thơ lùi vào một khoảng cách tạo điểm nhấn cho văn bản. | 0,5 |
| | - Dòng cuối: Căn thẳng lề phải. | 0,5 |
| Câu 16: | 1 – c | 0,25 |
| | 2 – d | 0,25 |
| | 3 – a | 0,25 |
| | 4 - b | 0,25 |

Chuyên môn nhà trường
Phó hiệu trưởng

Tổ chuyên môn
Tổ trưởng

Người ra đề

.....
.....
.....